

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án:  
Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Mường Khương**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Mường Khương họp ngày 30/10/2020 tại UBND tỉnh Lào Cai;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Mường Khương đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 3010/2020/AC-ĐTM ngày 20/11/2020 của Công ty cổ phần thực phẩm Á Châu;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 754/TTr-STNMT ngày 25/11/2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Mường Khương (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty cổ phần thực phẩm Á Châu (sau đây gọi là

*Chủ dự án*) thực hiện tại xã Lùng Vai, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 1, Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM của dự án đã được phê duyệt tại Quyết định này; xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến dự án khi có các điều chỉnh, thay đổi ở quy mô nhỏ, ít gây tác động đến chất lượng môi trường.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Bộ TN&MT;
- CT, PCT1;
- Phòng PC05 (Công an tỉnh);
- UBND huyện Mường Khương;
- UBND xã Lùng Vai;
- Thành viên HĐTD (do Sở TN&MT gửi);
- Chi cục BVMT (04 bản);
- PCVP2;
- Lưu VT, KT1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Quốc Khánh**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Mường Khương**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2020*  
*của UBND tỉnh Lào Cai)*

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu Mường Khương.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thực phẩm Á Châu.

1.3. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Lùng Vai, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

1.4. Địa chỉ liên hệ: Tổ 20, phường Nam Sơn, TP Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

1.5. Quy mô, công suất:

- Tổng diện tích xây dựng của dự án: 29.177 m<sup>2</sup>.

- Tổng công suất thiết kế 10.000 tấn/năm (Dứa đóng hộp 4.600 tấn sản phẩm/năm; Chuối tiêu hồng sấy dẻo 800 tấn sản phẩm/năm; Ngô ngọt đóng hộp 1.000 tấn sản phẩm/năm; Măng dầm giấm 300 tấn sản phẩm/năm; Nước dứa cô đặc 1.600 tấn sản phẩm/năm; Dứa IQF 1.450 tấn sản phẩm/năm; Các loại sản phẩm rau quả IQF khác 250 tấn sản phẩm/năm).

- Các hạng mục công trình của Dự án:

+ Hạng mục công trình chính: Nhà hành chính kết hợp nhà ăn, nhà bảo vệ; Nhà xưởng sản xuất dứa đóng hộp, chuối sấy dẻo; Nhà xưởng sản xuất dứa, rau quả lạnh, nước dứa cô đặc.

- Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà lò hơi + sân than; đường nội bộ bê tông; tường rào, taluy.

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Khu xử lý nước thải tập trung với công suất xử lý 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Bãi lưu trữ chất thải sản xuất 5.000 m<sup>2</sup>; Hệ thống đường ống thoát nước trong nhà; Hệ thống rãnh thoát nước mưa và nước thải riêng biệt; Kho chứa chất thải nguy hại 10 m<sup>2</sup>.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

**2.1. Các tác động môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng**

**2.1.1. Khí thải**

\* Khí thải phát sinh do các phương tiện vận chuyển:

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện chuyên chở vật liệu xây dựng do quá trình đốt cháy nhiên liệu dầu Diezen. Thành phần chính: CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, VOC,... là các khí độc hại. Khí thải tác động đến hệ hô hấp của con người gây các bệnh về đường hô hấp.

\* Khí thải phát sinh do các phương tiện thi công:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện thi công đào đắp, san ủi mặt bằng, xây dựng các hạng mục công trình do quá trình đốt cháy nhiên liệu dầu Diezen. Thành phần chính của khí thải là các khí độc hại. Tác động đến hệ hô hấp của công nhân xây dựng và vận hành máy móc thi công.

- Tác động của khí thải công đoạn hàn xì, máy phát điện... Trong quá trình hàn, que hàn cháy và phát sinh khói có chứa các chất độc hại (CO, NO<sub>x</sub>...) và khói hàn có khả năng ảnh hưởng đến môi trường không khí và sức khỏe công nhân.

### **2.1.2. Nước thải**

- Nước mưa chảy tràn trên công trường;

- Nước thải thi công phát sinh từ quá trình thi công, xây dựng như nước phối trộn nguyên liệu, nước bảo dưỡng máy móc, nước rửa máy móc thiết bị... không đáng kể.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc, sinh hoạt tại công trường. Chủ yếu chứa cặn bã, các chất hữu cơ dễ phân hủy, các chất dinh dưỡng và vi sinh vật: 2,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### **2.1.3. Chất thải rắn**

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng là các loại phế thải, vật liệu xây dựng rơi vãi trong quá trình xây dựng như: Gạch, đá vỡ, sắt thép vụn, bao xi măng...: 180 kg/tháng.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân tại công trường bao gồm: Túi ni lông, giấy vụn, quần áo rách, thức ăn thừa: 15 kg/ngày.

- Các tác động không liên quan đến chất thải bao gồm: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị thi công; tác động đến hệ sinh thái, giao thông, sức khỏe cộng đồng và hoạt động du lịch, kinh tế - xã hội khu vực thi công Dự án.

- Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, thiên tai, sạt lở, động đất.

### **2.1.4. Chất thải nguy hại (CTNH)**

- CTNH từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang hỏng, các loại chất thải (que hàn thải, dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc thi công, các loại can đựng dầu nhớt, giẻ lau dính dầu mỡ...): 5 kg/tháng.

## **2.2. Các tác động môi trường trong giai đoạn vận hành dự án**

### **2.2.1. Khí thải**

- *Khí thải phát sinh do các phương tiện vận chuyển:*

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy, do quá trình đốt cháy nhiên liệu dầu Diezen, xăng. Thành phần chính của khí thải gồm: CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, VOC,... là các khí độc hại. Khí thải tác động đến hệ hô hấp của con người gây các bệnh về đường hô hấp.

- *Bụi, khí thải lò hơi:*

Bụi và khí thải từ quá trình đốt than, cung cấp nhiệt cho hoạt động sản xuất của Nhà máy. Hầu hết lượng khí thải phát sinh từ quá trình đốt có thành phần là CO và bụi, bên cạnh đó trong quá trình đốt sinh ra một hàm lượng lớn muội than.

### **2.2.2. Nước thải**

- *Nước thải sản xuất:*

+ Nước thải ngâm rửa nguyên liệu đầu vào là 92 m<sup>3</sup>/ngày đêm, lượng nước này 1 phần sẽ được tái sử dụng, xử lý qua 1 hệ thống lọc cặn để giữ chất rắn có trong nước và tái tuần hoàn cho quá trình rửa nguyên liệu. Lượng nước thải ra môi trường của công đoạn này dự kiến là 55 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng và các chất hữu cơ còn dư thừa bám vào nguyên liệu, thiết bị.

+ Nước thải rửa nguyên liệu đã qua sơ chế là 18,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước thải này ô nhiễm bởi các thành phần như: Độ pH thấp, cặn lơ lửng(TSS), hàm lượng các chất hữu cơ, BOD, COD, ngoài ra còn bị ô nhiễm bởi độ màu, độ đục, mùi...

- *Nước thải sinh hoạt:* Thành phần ô nhiễm chính gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng sau: TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> và các vi sinh vật gây bệnh; lưu lượng khoảng 5,95 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### **2.2.3. Chất thải rắn**

*a. Chất thải rắn thông thường*

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên tại nhà máy có khối lượng khoảng 83 kg/ngày, bao gồm: Các loại giấy, bìa, bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động: 18,7 tấn/ngày, bao gồm các loại phụ phẩm như: vỏ, cuống, lá, lõi, bã...

### **2.2.4. Chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại: Giẻ lau dính dầu mỡ: 3kg/tháng; Bóng đèn huỳnh quang, mực in, ắc quy... 10kg/tháng; Xỉ thải từ quá trình đốt than, củi lò hơi: 3.000kg/tháng; Các lớp amiăng cách nhiệt từ lò hơi.

## **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.**

### **3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng**

#### **3.1.1. Nước thải**

- **Đối với nước mưa chảy tràn và nước thải thi công:**

+ Thiết kế san nền và hệ thống thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy, phù hợp cao độ san nền và hướng thoát nước của khu vực nói chung.

+ **Bố trí rãnh thoát nước và định hướng dòng chảy ngay từ giai đoạn đầu của quá trình thi công.**

- **Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân:**

+ Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động với bể lắng tạm thời (tổng dung tích 2 m<sup>3</sup>) trong khu vực xây dựng đáp ứng đủ nhu cầu của công nhân. Định kỳ bổ sung chế phẩm EM để tăng hiệu quả xử lý.

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải sinh hoạt.

### **3.1.2. Khí thải**

+ Tưới nước làm ẩm bề mặt tại các vùng đất đang đào, bề mặt vùng đắp đất dọc tuyến thi công.

+ Bố trí một xe bồn chở nước chuyên dụng, có hệ thống tưới theo kiểu dàn mưa thường trực sẵn tại công trình đang thi công.

### **3.1.3. Chất thải rắn**

- **Chất thải rắn xây dựng:** Khi thi công công trình, tiến hành thu gom, phân loại đất đá, vật liệu xây dựng, vỏ các bao bì xi măng, cốt ép, gỗ đưa vào các vị trí trên khuôn viên khu đất xây dựng dự án để tái sử dụng vào các mục đích khác hoặc san lấp mặt bằng.

- **Chất thải rắn sinh hoạt:** Hạn chế sử dụng các loại túi ni lông và các sản phẩm nhựa dùng một lần. Tất cả rác sinh hoạt từ khu vực dự án được thu gom và tập trung vào các thùng chứa có dung tích 150 lít (trang bị 2 thùng phuy). Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý hàng ngày.

- **Chất thải nguy hại:** Phân loại chất thải theo đúng quy định về quản lý CTNH. Hạn chế việc sửa chữa máy móc, xe cộ tại công trường (chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố).

+ Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

## **3.2. Trong giai đoạn vận hành dự án**

### **3.2.1. Nước thải**

- **Đối với nước thải sinh hoạt:** Thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn của 02 nhà vệ sinh với tổng thể tích bể phốt 20 m<sup>3</sup>, nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, tiếp tục được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý, nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT được thải ra môi trường.

- **Đối với nước thải sản xuất:**

+ Một phần nước thải sản xuất của cơ sở (nước rửa nguyên liệu đầu vào) được tái sử dụng và sử dụng tuần hoàn quay trở lại phục vụ sản xuất, do đó cơ sở sẽ xây dựng một bể chứa nước tuần hoàn có diện tích 50 m<sup>2</sup>.

+ Nước thải từ các khâu sản xuất của Dự án được đưa đến trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án với công suất xử lý 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm với công nghệ xử lý vi sinh. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) được dẫn về ao sinh học của dự án.

- *Đối với nước mưa chảy tràn:* Hệ thống rãnh thu gom nước mặt xung quanh các phân xưởng sản xuất, đường... để thu gom nước mặt, nước mưa. Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

### **3.2.2. Khí thải**

- Đối với bụi, khí thải lò hơi:

+ Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải bụi lò hơi, khí thải mang theo bụi được quạt li tâm đưa vào bể xử lý, tại đây khói thải tiếp xúc trực tiếp với chất lỏng nhờ các vách ngăn, một phần khí thải và bụi hòa tan vào chất lỏng. Khí thải sau đó được thải ra môi trường ống khói. Ống khói lò hơi cao từ 8 - 10m.

- Đối với khí thải từ các phương tiện giao thông

+ Các phương tiện tham gia vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ sản xuất phải chở đúng tải trọng quy định được đăng kiểm, kiểm định đầy đủ, nguyên vật liệu phải được che, phủ bạt kín nhằm hạn chế bụi rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển.

+ Sử dụng các loại xe vận tải có động cơ đốt trong có hiệu suất cao, tải trọng khí thải nhỏ và độ ồn thấp. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị, luôn để máy móc thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt nhất.

+ Sử dụng xe phun nước chuyên dùng vào thời điểm buổi sáng và buổi chiều để hạn chế bụi.

- Đối với khí thải từ khu lưu giữ chất thải: Bố trí 02 thùng chứa rác hữu cơ và rác vô cơ, có nắp đậy tại khu vực nhà điều hành, nhà bảo vệ tránh phát tán mùi hôi, phổ biến cho công nhân phân loại rác tại nguồn; vận chuyển chất thải đi xử lý 1 lần/ngày (không lưu cữu gây mùi).

+ Trồng cây xanh quanh khuôn viên hàng rào khu vực dự án.

### **3.2.3. Chất thải rắn**

\* *Đối với chất thải sinh hoạt:*

- Tất cả các chất thải rắn sinh hoạt của Dự án sẽ được thu gom vào các thùng chứa riêng biệt có nắp đậy kín được bố trí ngay tại nơi phát sinh và phân loại tại nguồn, sẽ được nhân viên vệ sinh thu gom hàng ngày, tập kết tại khu vực bãi chứa, vận chuyển đến điểm chứa rác để xe thu gom rác đến vận chuyển và xử lý.

- Hạn chế sử dụng các loại túi ni lông và các sản phẩm nhựa dùng một lần. Bao bì rách, nilon, thùng carton: Bán lại cho các cơ sở tái chế giấy, nhựa.

\* *Đối với chất thải rắn sản xuất:* Đối với chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất (bã dứa, vỏ dứa, lõi dứa, cuống dứa, vỏ chuối...), một phần sẽ được công ty thu gom để bán cho người dân chăn nuôi gia súc, gia cầm. Hạn chế, tiến tới không sử dụng các loại túi ni lông và các sản phẩm nhựa dùng một lần. Toàn bộ chất thải rắn trong quá trình sản xuất sẽ được tập kết tại bãi thải diện tích 5.000 m<sup>2</sup> (là bãi thải cũ của xã Lũng Vai) sau đó ký kết hợp đồng thu mua với công ty TNHH MTV Yu Jung Nung Jo Hap Việt Nam thu mua ủ men làm phân vi sinh. Hoạt động thu gom được thực hiện 1 lần/ngày (*không để phát sinh mùi và chất ô nhiễm ra môi trường*).

*\*Chất thải nguy hại:* Xây dựng 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 10m<sup>2</sup> để lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại phát sinh. Tuân thủ quy định theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

### **3.2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn:**

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc để hoạt động tốt, cải tiến quy trình công nghệ theo hướng giảm tiếng ồn.
- Lắp đặt thiết bị chống ồn cho các vị trí máy móc có phát sinh tiếng ồn lớn
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng,...

### **3.2.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

#### *a. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do tai nạn lao động*

- Thành lập tổ y tế trong Nhà máy; thường xuyên tổ chức diễn tập cho các tình huống xảy ra sự cố tai nạn lao động.

- Lưu giữ địa chỉ, điện thoại của tổ chức y tế gần nhất. Địa chỉ, số điện thoại được bố trí tại nhiều nơi để kịp thời phục vụ khi xảy ra sự cố lao động.

- Phối hợp với ngành y tế để xây dựng quy trình sơ cấp cứu ban đầu khi xảy ra sự cố tai nạn lao động trong mọi tình huống. Các nhân viên y tế phải thường xuyên được tập luyện, diễn tập và đảm bảo thành thạo các quy trình.

#### *b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ*

- Các thiết bị điện phải được duy trì ở điều kiện an toàn, ngăn ngừa khả năng phát tia lửa điện của các thiết bị, dụng cụ điện ở các khu vực gây nguy hiểm.

- Xây dựng phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC. Các phương tiện PCCC được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng hoạt động, công nhân trong đội cứu hỏa phải trực 24/24 giờ.

- Thành lập đội PCCC. Trang bị các phương tiện phòng chống cháy như bình chữa cháy, bể nước dự trữ chống cháy,... xây dựng nội quy phòng chữa cháy. Các loại nhiên liệu dễ cháy được bảo quản, cất giữ xa nơi các nguồn dễ gây cháy nổ như nhà bếp, trạm biến áp,...

### **4. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy	Công suất 100 m <sup>3</sup> /ngày đêm
2	Bể chứa ngầm tuần hoàn nước thải sản xuất	Diện tích 50 m <sup>2</sup>
3	Bể tự hoại 3 ngăn, hệ thống rãnh, hố ga thoát nước mưa, nước thải	Thể tích 20 m <sup>3</sup>



4	Nhà kho lưu giữ chất thải nguy hại	Diện tích 10 m <sup>2</sup>
5	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Nhà máy, ống khói cao từ 8 - 10m.	

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

### *a. Giám sát môi trường không khí và tiếng ồn*

- Vị trí: 01 mẫu khu vực nhà văn phòng, 02 mẫu xưởng sản xuất, 01 mẫu công ra vào khu vực Dự án.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, Tốc độ gió, Bụi lơ lửng, tiếng ồn, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần vào giờ sản xuất.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

### *b. Giám sát khí thải lò hơi*

- Vị trí: 01 vị trí sau ống xả của hệ thống khí thải lò hơi.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, NO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

### *c. Giám sát chất lượng nước thải*

- Vị trí: 01 vị trí nước thải trước hệ thống xử lý nước thải tập trung, 01 vị trí nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Thông số giám sát: pH, độ màu, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng N, tổng P, NO<sub>3</sub>, NH<sub>4</sub>, PO<sub>4</sub>, tổng Coliform.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B./.

---